

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh

2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Nhật Bản).

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Văn K tại Việt Nam: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 24/12/2019
Nguyễn đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào 28/9/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh K làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh được một bé gái được 6 tháng thì chị và gia đình anh K có mâu thuẫn về vấn đề công việc chị và anh K đã có những lời nói không tốt với nhau chị và anh K đã sống ly thân nhau một thời gian. Sau đó anh chị lại quay về với nhau, nhưng chỉ sống được một thời gian thì giữa chị và anh K và gia đình anh K có xảy ra mâu thuẫn một lần nữa anh K đã nghi ngờ chị về tiền bạc, kinh tế có lời nói không tốt với chị và gia đình chị và cũng thời gian đó chị lại mang thai đứa con thứ hai được hai tháng, anh K lại nghi ngờ chị về vấn đề tình cảm nên chị và anh K lại sống ly thân nhau, chị và anh K sống ly thân khoảng hơn 2 năm nay, anh K đã cắt đứt liên lạc với chị kể từ đó. Tháng 5/2019 anh K đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/2015 hiện nay cháu H đang ở với anh K và ông bà nội. Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị giao cháu H cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H còn trình bày: Hiện nay anh K vẫn ở Nhật Bản, địa chỉ cụ thể của anh K ở Nhật Bản chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh K nhưng anh K không cung địa chỉ ở Nhật Bản cho chị, anh K vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ anh K là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh K được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn K.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K không có bản tự khai.

Ngày 20/02/2020 và ngày 06/3/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà T thông báo cho anh K biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn K; yêu cầu anh K viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở Nhật Bản. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà T vẫn giữ nguyên quan điểm là anh K ở Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở Nhật Bản cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh K đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh K biết để anh K gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh K gửi về.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là bà nội của cháu Nguyễn Thị H, hiện nay cháu Hân đang ở với ông bà, cháu đang đi học mẫu giáo và phát triển bình thường, con trai bà là anh Nguyễn Văn K vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn K vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh K là bà Nguyễn Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh K không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh K theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt anh K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/2015 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung tròn 18 tuổi. Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh K, chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh K, chị H thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh H.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh K là bà Nguyễn Thị T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà T thông báo cho anh K biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn K; Yêu cầu anh K viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Tính cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở Nhật Bản. Bà Nguyễn Thị T trình bày: Anh K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh K cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh K biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn K theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn K, anh K hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 914/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 20/01/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì anh K xuất nhập cảnh lần gần đây nhất là ngày 19/5/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh K ở Việt Nam là: Thôn T, xã T, huyện L,

tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn K kết hôn năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh K làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị và gia đình anh K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về vấn đề công việc của chị nên chị và anh K đã sống ly thân nhau một thời gian. Một thời gian sau chị và anh K lại quay về sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn về kinh tế anh K đã có lời nói không tốt đối với chị và gia đình chị, thời gian đó chị lại mang thai cháu thứ hai anh K lại nghi ngờ chị về vấn đề tình cảm nên chị và anh K lại sống ly thân nhau và anh K đã cắt đứt liên lạc với chị. Đến tháng 5/2019 thì anh K đi lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay cũng không liên lạc gì với chị. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh K chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng hai bên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến nghi ngờ lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhiều lần và đến nay là hai năm chị và anh K sống ly thân. Từ tháng 5/2019 đến nay anh K đi lao động nước ngoài vợ chồng không liên lạc, không ai còn quan tâm đến ai. Theo địa phương cung cấp trong quá trình chung sống vợ chồng anh K, chị H có mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được, năm 2019 anh K đi xuất khẩu lao động và chưa về thăm gia đình lần nào, còn chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống (Bút lục 33-34, biên bản xác minh). Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn K có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/2015 và cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018. Hiện nay cháu H đang ở với anh K và ông bà nội còn cháu K đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được giao cháu H cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H về yêu cầu và đề nghị nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Đối với con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/2015 hiện đang ở cùng anh K và ông bà nội (bố mẹ anh K), cháu H được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường, anh K vẫn thường xuyên gửi tiền về để bố mẹ anh nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H. Do vậy, chị H đề nghị giao con chung là Nguyễn Thị H cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu H; Đối với con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018 hiện nay cháu K đang ở với chị H, chị đề nghị giao cho chị nuôi dưỡng vì từ khi sinh ra cháu vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, Hội đồng xét xử thấy, hiện nay cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do vậy đề nghị của chị H được nuôi con chung Nguyễn Duy K là có căn cứ và phù hợp điều kiện thực tế của chị H.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/2015 cho anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K, chị H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/5/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Giao cho anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K, chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000579 ngày 18/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn K hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

